

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v Tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Phương Châu

Thư ký phiên họp: Bà Lưu Thị Ngọc Hương

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Ánh Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 302/2024/TLST-LĐ ngày 31 tháng 10 năm 2024 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 2647/2025/QĐST-LĐ ngày 02 tháng 4 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: Bà Nguyễn Thị Ngọc Y, sinh năm 1992

Địa chỉ: Đường L, Khu phố H, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An (có đơn xin vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty Trách nhiệm hữu hạn D

Trụ sở: Đường H, Khu chế xuất L, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông M H, sinh năm 1958

Địa chỉ: Đường T, phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

2. Bà Lê Thị Mỹ T, sinh năm 1994

Địa chỉ: Đường L, Khu phố H, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

1. Người yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc Y trình bày:

Vào tháng 6/2011, bà Nguyễn Thị Ngọc Y cho bà Lê Thị Mỹ T mượn chứng minh nhân dân mang tên bà Y số 301425198 do Công an tỉnh Long An cấp ngày 08/8/2008 để làm việc cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn D (viết tắt là Công ty D) do thời điểm đó bà chưa đủ tuổi, sợ không được nhận vào làm việc. Công ty D đã nộp bảo

hiểm xã hội cho bà T dưới tên của bà Y từ tháng 6/2011 đến tháng 5/2012. Trong khoảng thời gian này, bà Y đang làm việc tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn G (viết tắt là Công ty G) và Công ty G đã đóng bảo hiểm xã hội cho bà Y.

Năm 2024, bà Y làm thủ tục lãnh bảo hiểm xã hội một lần thì phát hiện hồ sơ bảo hiểm xã hội của bà Y tại Công ty G trùng với hồ sơ bảo hiểm xã hội của bà T mang tên bà Y tại Công ty D. Do đó, bà Y yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa bà Nguyễn Thị Ngọc Y (do bà Lê Thị Mỹ T ký) và Công ty D trong khoảng thời gian từ tháng 6/2011 đến tháng 5/2012 là vô hiệu. Bà Y không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động nêu trên vô hiệu.

Ngoài ra, bà Y không có yêu cầu nào khác. Do bận công việc bà Y xin được vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ việc.

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Trách nhiệm hữu hạn D đã được triệu tập tham gia tố tụng nhưng vắng mặt không rõ lý do.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị Mỹ T trình bày:

Từ tháng 6/2011 đến tháng 5/2012, bà T có mượn chứng minh nhân dân của bà Y để đi làm tại Công ty D và có tham gia bảo hiểm xã hội dưới tên bà Y do bà T chưa đủ tuổi, sợ Công ty không nhận vào làm việc. Bà Y yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa bà Y (do bà T ký) và Công ty D từ tháng 6/2011 đến tháng 5/2012 vô hiệu thì bà T đồng ý. Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả hợp đồng lao động vô hiệu và cũng không có yêu cầu nào khác. Do bận công việc, bà T xin được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ việc.

4. Tại phiên họp:

Người yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc Y xin được vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa bà Nguyễn Thị Ngọc Y (do bà Lê Thị Mỹ T ký) và Công ty D trong khoảng thời gian từ tháng 6/2011 đến tháng 5/2012 là vô hiệu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Trách nhiệm hữu hạn D đã được triệu tập tham gia phiên họp nhưng vắng mặt, bà Lê Thị Mỹ T xin được vắng mặt.

5. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Qua kiểm sát việc tuân theo pháp luật tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến tại phiên họp, Thẩm phán và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ngọc Y về việc tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa bà Nguyễn Thị Ngọc Y (do bà Lê Thị Mỹ T ký) và Công ty D trong khoảng thời gian từ tháng 6/2011 đến tháng 5/2012 là vô hiệu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Bà Nguyễn Thị Ngọc Y yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu. Bà T mượn chứng minh nhân dân của bà Y làm việc tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn D tại địa chỉ Đường H, Khu chế xuất L, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 33, khoản 2 Điều 35 và điểm v khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, việc dân sự là “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Bà Nguyễn Thị Ngọc Y, bà Lê Thị Mỹ T có đơn xin vắng mặt tại phiên họp. Căn cứ khoản 2 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên họp vắng mặt bà Y và bà T.

[1.3] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Trách nhiệm hữu hạn D đã được triệu tập tham gia phiên họp lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, không rõ lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành phiên họp.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của bà Y, nhận thấy:

Căn cứ Văn bản số 84/BHXXH-TST ngày 08/01/2025 của Bảo hiểm xã hội Thành phố Hồ Chí Minh và Văn bản số 6029/BHXXH-TST ngày 30/12/2024 của Bảo hiểm xã hội thành phố Thủ Đức thì bà Nguyễn Thị Ngọc Y (sinh ngày 28/7/1992, mã số BHXH 7911276748, số CMND 301425198) có quá trình tham gia bảo hiểm xã hội (viết tắt là BHXH), bảo hiểm thất nghiệp (viết tắt là BHTN) tại Công ty D từ tháng 6/2011 đến tháng 5/2012, đã được chốt sổ.

Căn cứ Văn bản số 157/BHXXH-PQLT-ST ngày 20/01/2025 và Phụ lục Bảng ghi quá trình đóng BHXH, BHTN của Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An thì Công ty G có đóng BHXH, BHTN cho bà Nguyễn Thị Ngọc Y, sinh ngày 28/7/1992, căn cước công dân số 080192012100, chứng minh nhân dân cũ số 301425198, sổ sổ BHXH được cấp là 8011001334 trong khoảng thời gian từ tháng 6/2011 đến tháng 5/2012.

Như vậy, trong cùng khoảng thời gian từ tháng 6/2011 đến tháng 5/2012 thì thông tin bà Y cùng lúc làm việc tại Công ty D và Công ty G. Điều này hoàn toàn phù hợp với lời trình bày của các đương sự về việc bà T đã mượn chứng minh nhân dân của bà Y để làm việc tại Công ty D.

Khoản 1 Điều 49 Bộ luật Lao động năm 2019 quy định: *Hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ trong trường hợp sau đây: ... Người giao kết hợp đồng lao động không đúng thẩm quyền hoặc vi phạm nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật này...*

Khoản 1 Điều 15 Bộ luật Lao động năm 2019 quy định: *Nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động: Tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực ...*

Bà T sử dụng chứng minh nhân dân của bà Y giao kết hợp đồng lao động với Công ty D đã vi phạm nguyên tắc trung thực khi giao kết hợp đồng lao động.

Vì vậy, bà Y yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa bà Y (do bà T ký) và Công ty D trong khoảng thời gian từ tháng 6/2011 đến tháng 5/2012 vô hiệu là có căn cứ và phù hợp quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà Y là có cơ sở.

[2] Bà Y, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động

vô hiệu nên ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự.

[3] Về lệ phí sơ thẩm: Bà Y chịu lệ phí theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 33, khoản 2 Điều 35 và điểm v khoản 2 Điều 39, Điều 149, Điều 361, Điều 367, Điều 370, Điều 371, Điều 372, Điều 401 và Điều 402 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 15, khoản 1 Điều 49 Bộ luật Lao động năm 2019;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Điều 35, Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của người yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc Y.

Tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa bà Nguyễn Thị Ngọc Y (do bà Lê Thị Mỹ T ký) và Công ty Trách nhiệm hữu hạn D trong khoảng thời gian từ tháng 6/2011 đến tháng 5/2012 là vô hiệu.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Ngọc Y, bà Lê Thị Mỹ T không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu.

3. Về lệ phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ngọc Y chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0044805 ngày 30/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị Ngọc Y đã nộp đủ lệ phí.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Bà Nguyễn Thị Ngọc Y, Công ty Trách nhiệm hữu hạn D, bà Lê Thị Mỹ T có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

5. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TPHCM;
- VKSND thành phố Thủ Đức;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Đức;
- Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

Nguyễn Thị Phương Châu

